| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 – CẦN THƠ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn "

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ**

**Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

*Thẩm phán - chủ toạ phiên toà*: Bà Phạm Thị Kim Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Kim Luyến

2. Ông Trần Ngọc Bích

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Thanh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về "*Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 258/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2025/DSST-QĐ ngày 23 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Xuân T,** sinh năm 1971. Vắng mặt

Địa chỉ liên hệ: Khu vực 2, phường V, tỉnh Hậu Giang.

*(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)*

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh K**, sinh năm 1971. Vắng mặt

Địa chỉ: Số A đường L, phường N, thành phố Cần Thơ.

**NHẬN THẤY**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đỗ Thị Xuân T trình bày:* Bà và ông Nguyễn Minh K đăng ký kết hôn ngày 10/02/1998 tại UBND phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ). Sau khoảng thời gian chung sống, đời sống vợ chồng không còn hòa hợp.

Mặc dù bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không thành mâu thuẫn thường xuyên dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng bị ảnh hưởng trầm trọng, đời sống chung không còn thể kéo dài. Hiện nay bà xác định không còn tình cảm với ông K và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành N (N), sinh ngày 05/9/1995 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Thị Xuân T và ông Nguyễn Minh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ). Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên bà T xin ly hôn với ông K, nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, ông K có địa chỉ cư trú tại quận N (C), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ) theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

**[2]** Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K có quá trình chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, không tìm được biện pháp giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình, đoàn tụ cùng nhau. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn đoàn tụ cùng nhau, nhưng nguyên đơn kiên

quyết xin ly hôn và xác định không còn tình cảm với bị đơn và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được triệu tập hợp lệ, cho thấy bị đơn cũng không có ý định hòa giải đoàn tụ với nguyên đơn. Hôn nhân phải xây dựng trên nền tảng tình cảm tự nguyện và tôn trọng nhau của cả hai bên, sự hòa hợp về tính cách, lối sống, mới đem lại hạnh phúc cho nhau. Xét thấy mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai bên không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

**[3]** Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thành N (Nam), sinh ngày 05/9/1995 (đã trưởng thành).

**[4]** Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày là không có và không yêu cầu giải quyết. Do xét xử vắng mặt ông K nên không ghi nhận được ý kiến của ông K về tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này hai bên phát sinh tranh chấp hoặc tranh chấp với người khác thì có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác đề yêu cầu giải quyết.

**[5]** Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu.

**[6]** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

**TUYÊN XỬ:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Đỗ Thị Xuân T. Bà Đỗ Thị Xuân T được ly hôn với ông Nguyễn Minh K.

**2**. Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Thành N (N), sinh ngày 05/9/1995.

**3**. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5**. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006467 ngày 16/6/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Cũ) thành án phí.

**6**. Quyền kháng cáo các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện KSND KV1-CT;
- Phòng T.H.A Dân sự KV1-CT;
- Các đương sự
- Lưu.

**Phạm Thị Kim Tiến**